

ĐỀ SỐ 4

I. Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

Câu 1: Nối số thập phân với cách đọc số thập phân tương ứng:

52,18

a) Bốn trăm linh sáu phẩy năm trăm bảy mươi ba.

324,21

b) Ba trăm hai mươi tư phẩy hai mươi mốt.

406,573

c) Năm mươi hai phẩy mười tám

Câu 2: Viết số thập phân, có (1đ)

a) Năm đơn vị, bảy phần mười:

b) Ba mươi hai đơn vị, tám phần mười, năm phần trăm

c) Không đơn vị, một phần nghìn:

* Em hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng dưới đây :

Câu 3: Số thập phân gồm có: bảy chục, hai đơn vị và năm phần trăm viết là:

A. 702,50

B. 72,05

C. 720,5

D. 27,05

Câu 4: Viết $\frac{201}{100}$ dưới dạng số thập phân ta được:

A. 2,01

B. 20,1

C. 2,10

D. 0,201

Câu 5: Số lớn nhất trong các số: 0,187 ; 0,169; 0,21; 0,9 là :

A. 0,9

B. 0,187

C. 0,169

D. 0,21

Câu 6: Số thích hợp vào chỗ chấm trong $7\text{dm}^2 4\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

A. 74

B. 704

C. 740

D. 7400

Câu 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô

a) $8,56\text{dm}^2 = 8\frac{56}{100} \text{dm}^2$ b) $2060\text{m} = 20\text{km } 60\text{m}$

Câu 8: Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 400m, chiều rộng 100m thì diện tích là:

A. 4000 ha

B. 400 ha

C. 40 ha

D. 4 ha

Câu 9: $15,24 < x < 16,02$ (x là số tự nhiên)

A. $x = 15$

B. $x = 14$

C. $x = 16$

Câu 10: Phân số nào dưới đây là phân số thập phân :

A. $\frac{100}{45}$

B. $\frac{25}{100}$

A. $\frac{67}{55}$

A. $\frac{20}{40}$

Câu 11: 6 tấn 5 kg =kg. Số thích hợp cần viết vào chỗ chấm là:

A. 65

B. 605

C. 6005

II. Phần tự luận: (4 đ)

Câu 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$23\text{m } 4\text{dm} = \dots\dots\dots \text{dm}$

$20\text{m}^2 \text{ } 9\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$6 \text{ tấn } 5 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$

$2009\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 \dots\dots\dots \text{m}^2$

Câu 2: Đặt tính rồi tính:

a) $438\,906 + 45\,029$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) 428×306

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3: Tổng số tuổi của mẹ và con hiện nay là 84 tuổi. Biết tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi

mẹ. Hỏi:

a) Số tuổi của mẹ, của con hiện nay.

b) Đến 6 năm nữa thì tuổi của con bằng mấy phần tuổi mẹ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4

I. Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

Mỗi câu đúng 0,5 điểm, riêng câu 8 được 1 điểm

Câu 1: Nối số thập phân với cách đọc sau:

- | | |
|---------|---|
| 52,18 | a) Bốn trăm linh sáu phẩy năm trăm bảy mươi ba. |
| 324,21 | b) Ba trăm hai mươi tư phẩy hai mươi mốt. |
| 406,573 | c) Năm mươi hai phẩy mười tám |

Câu 2: a) 5,7 c) 0,001 b) 32,85

Câu 3: B. 72,05

Câu 4: A. 2,01

Câu 5: A. 0,9

Câu 6: B. 704

Câu 7: A. Đ B. S

Câu 8: D

Câu 9: C

Câu 10: B

Câu 11: C

II. Phần tự luận: (4 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

$$23\text{m } 4\text{dm} = 234\text{dm} \qquad 20\text{m}^2 \text{ } 9\text{dm}^2 = 2009\text{dm}^2$$

$$6 \text{ tấn } 5 \text{ kg} = 6005\text{kg} \qquad 2009\text{m}^2 = 20\text{dam}^2 \text{ } 9\text{m}^2$$

Câu 2: (1 điểm)

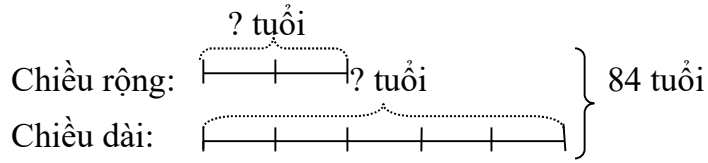
$$\begin{array}{r} 438906 \\ + 45029 \\ \hline 483935 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 428 \\ \times 306 \\ \hline 2568 \\ 1284 \\ \hline 130968 \end{array}$$

Câu 3 (2 điểm) Làm đúng mỗi ý được 1 điểm

Đáp án đúng:

Tóm tắt



a) Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 5 = 7 \text{ (phần)}$$

Tuổi con hiện nay là:

$$84 : 7 \times 2 = 24 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi mẹ hiện nay là:

$$84 - 24 = 60 \text{ (tuổi)}$$

b) Tuổi con 6 năm nữa là:

$$24 + 6 = 30 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi mẹ 6 năm nữa là:

$$60 + 6 = 66 \text{ (tuổi)}$$

6 năm nữa tuổi con bằng:

$$\frac{30}{66} = \frac{5}{11} \text{ tuổi mẹ}$$

Đáp số: a) Mẹ : 60 tuổi; con : 24 tuổi.

b) Tuổi con bằng $\frac{5}{11}$ tuổi mẹ

Luyện thi AMAX

ĐỀ SỐ 5

Bài 1 (2đ): Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

- a. Chuyển hỗn số $2\frac{17}{1000}$ thành số thập phân ta được:
A/ 2017 B/ 2,17 C/ 2,170 D/ 2,017
- b. 9 tạ 6 kg = tạ ; số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:
A/ 9,6 B/ 9,60 C/ 9,06 D/ 9,006
- c. Chữ số 8 trong số thập phân 95,876 chỉ giá trị là:
A/ $\frac{8}{100}$ B/ $\frac{8}{1000}$ C/ $\frac{8}{10}$ D/ 8
- d. Hai bạn quét sân trường trong 30 phút thì xong. Vậy muốn quét xong sân trường trong 10 phút thì cần số bạn là:
A/ 2 B/ 4 C/ 5 D/ 6

Bài 2 (2đ): Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

- a/ $78 \text{ km}^2 < 7800 \text{ ha}$ b/ $5 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 = 5\frac{9}{100} \text{ m}^2$
- c/ $52 \text{ ha} < 90 000 \text{ m}^2$ d/ $1 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 115 \text{ phút}$.

Bài 3 (1đ) :

- a/ Viết các số thập phân sau:
Ba đơn vị, một phần trăm và bảy phần nghìn, viết là:
.....
- b/ Ghi lại cách đọc số thập phân sau:
235,56 đọc là:
.....

Bài 4 (2đ) : Chuyển các hỗn số thành phân số rồi thực hiện phép tính:

a/ $3\frac{1}{3} - 1\frac{3}{4} =$

.....

b/ $2\frac{5}{6} + 1\frac{2}{3} =$

.....

c/ $2\frac{3}{8} : 1\frac{3}{4} =$

.....

d/ $1\frac{3}{7} \times 1\frac{5}{8} =$

.....

Bài 5 (2đ): Một phòng học hình chữ nhật có chu vi là 20 m; chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$

chiều dài. a/ Tính diện tích phòng học đó?

b/ Người ta lát nền phòng học đó bằng loại gạch men hình vuông có cạnh 40cm.

Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền phòng học đó?

Tóm tắt:

Bài giải:

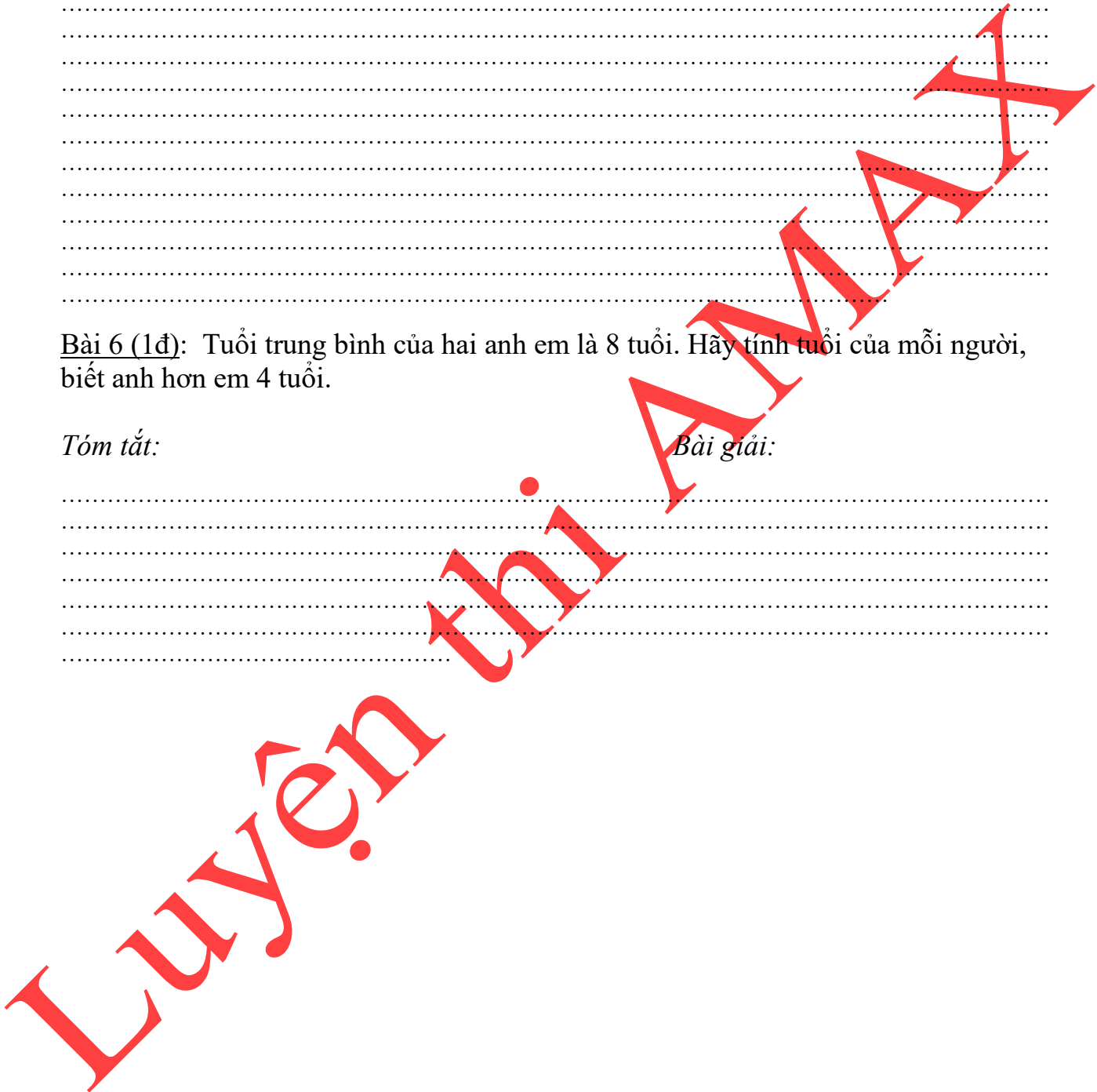
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6 (1đ): Tuổi trung bình của hai anh em là 8 tuổi. Hãy tính tuổi của mỗi người, biết anh hơn em 4 tuổi.

Tóm tắt:

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 5

Bài 1 (2đ) : Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a/ Chuyển hỗn số $2\frac{17}{1000}$ thành số thập phân ta được: D/ 2,017

b/ 9 tạ 6 kg = tạ; số thích hợp để viết vào chỗ chấm là : C/ 9,06

c/ Chữ số 8 trong số thập phân 95,876 chỉ giá trị là: C/ $\frac{8}{10}$

d/ Hai bạn quét sân trường trong 30 phút thì xong. Vậy muốn quét xong sân trường trong 10 phút thì cần số bạn là : D/ 6

Bài 2 (2đ) : Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a/ $78 \text{ km}^2 < 7800 \text{ ha}$ S ; b/ $5 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 = 5\frac{9}{100} \text{ m}^2$ Đ

c/ $52 \text{ ha} < 90 000 \text{ m}^2$ S ; d/ 1 giờ 15 phút = 115 phút. S

Bài 3 (1đ) :

a/ Viết các số thập phân sau :

Ba đơn vị, một phần trăm và bảy phần nghìn, viết là: 3,017

b/ Ghi lại cách đọc số thập phân sau:

235,56 đọc là: Hai trăm ba mươi lăm phẩy năm mươi sáu.

Bài 4 (2đ) : Chuyển các hỗn số thành phân số rồi thực hiện phép tính:

a/ $3\frac{1}{3} - 1\frac{3}{4} = \frac{10}{3} - \frac{7}{4} = \frac{40}{12} - \frac{21}{12} = \frac{40-21}{12} = \frac{19}{12}$

b/ $2\frac{5}{6} + 1\frac{2}{3} = \frac{17}{6} + \frac{5}{3} = \frac{17}{6} + \frac{10}{6} = \frac{17+10}{6} = \frac{27}{6} = \frac{9}{2}$

c/ $2\frac{3}{8} : 1\frac{3}{4} = \frac{19}{8} : \frac{7}{4} = \frac{19}{8} \times \frac{4}{7} = \frac{19 \times 4}{8 \times 7} = \frac{76}{56} = \frac{19}{14}$

d/ $1\frac{3}{7} \times 1\frac{5}{8} = \frac{10}{7} \times \frac{13}{8} = \frac{10 \times 13}{7 \times 8} = \frac{130}{56} = \frac{65}{28}$

Bài 5 (2đ) : Một phòng học hình chữ nhật có chu vi là 20 m; chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

a/ Tính diện tích phòng học đó?

b/ Người ta lát nền phòng học đó bằng loại gạch men hình vuông có cạnh 40cm.

Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền phòng học đó?

Tóm tắt:

Bài giải:

Chiều rộng : ! ____ ! ____ ! } Chiều dài : ! ____ ! ____ ! } ! P =	Nửa chu vi phòng học là: $20 : 2 = 10 \text{ (m)}$ Tổng số phần bằng nhau là:
---	---

<p>20m</p> <p>a/ $S = ? \dots m^2$</p> <p>b/ Gạch cạnh 40cm : ? viên.</p>	<p>$2 + 3 = 5$ (phần)</p> <p>Chiều rộng phòng học là: $10 : 5 \times 2 = 4$ (m)</p> <p>Chiều dài phòng học là: $10 - 4 = 6$ (m)</p> <p>Diện tích mảnh đất là: $6 \times 4 = 24$ (m^2) = 2400 dm^2</p> <p>Diện tích một viên gạch là: $40 \times 40 = 1600$(cm^2) = 16 (dm^2)</p> <p>Cần dùng số viên gạch là : $2400 : 16 = 150$ (viên)</p> <p>Đáp số: a/ 24 m^2 ; b/ 150 viên</p>
--	--

Bài 6 (1đ): Tuổi trung bình của hai anh em là 8 tuổi. Hãy tính tuổi của mỗi người, biết anh hơn em 4 tuổi.

Tóm tắt :

Bài giải :

<p>Tuổi em : ! _____ !</p> <p>Tuổi anh: ! _____ ! - 4 !</p> <p>TBC: 8</p>	<p>Tổng số tuổi của hai anh em là: $8 \times 2 = 16$ (tuổi)</p> <p>Tuổi của em là: $(16 - 4) : 2 = 6$ (tuổi)</p> <p>Số tuổi của anh là: $6 + 4 = 10$ (tuổi)</p> <p>Đáp số: Em: 6 tuổi ; Anh: 10 tuổi.</p>
---	--

ĐỀ SỐ 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2 điểm): Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hỗn số $5\frac{8}{1000}$ viết dưới dạng số thập phân là

- A. 5,8 B. 5,08 C. 5,008 D. 5,0008

Câu 2. Tìm x biết $0,6 \times 6 < 0,636$

- A. x = 0 B. x=1 C. x=2 D. Tất cả đều đúng

Câu 3. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân?

- A. $\frac{56}{1000}$ B. $\frac{100}{34}$ C. $\frac{3}{25}$ D. $\frac{67}{400}$

Câu 4. Dãy số nào dưới đây chứa bốn số bằng nhau:

- A. 5,001; 5,010; 5,100; 5,1 B. 0,3; 0,30; 0,300; 0,3000
C. 4,18; 4,180; 4,810; 4,81 D. 7,800; 7,080; 7,880; 7,082

PHẦN 2: TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1: (1đ): Viết các số thập phân gồm có:

- Năm đơn vị, tám phần mười.....
- Sáu chục, ba đơn vị, tám phần trăm.....
- Bốn mươi lăm đơn vị, bảy trăm sáu mươi ba phần nghìn.....
- Sáu nghìn không trăm mười chín đơn vị, năm phần nghìn.....

Bài 2: (1đ): Điền >, <, = vào chỗ chấm

- a, 79,999...80,1 c, 95,5...95,548
c, 0,8... 0,798 d, 79,1 ... 79,0101

Bài 3: (1đ): Viết số thích hợp vào chỗ trống

- 24tấn82kg = ... tấn $6\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$
9m8cm = ... m $5000\text{m}^2 = \dots \text{ha}$

Bài 4(2đ): Tính

$\frac{6}{7} \times \frac{7}{12} = \dots$ $\frac{4}{5} : \frac{8}{9} = \dots$

.....
 $\frac{1}{6} + \frac{7}{12} = \dots$ $7 - \frac{5}{8} = \dots$
= =

Bài 5(1đ): Tìm x

$$X \times 12 = 150 \times 2$$

$$\frac{3}{4} : X = \frac{1}{2}$$

Bài 6 (2đ): Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng = $\frac{1}{6}$ chiều dài.

Thửa ruộng trồng lúa cứ 100m² thu hoạch được 45kg thóc. Hỏi chủ thửa ruộng thu được bao nhiêu tiền bán thóc biết giá 1 kg thóc là 6000 đồng?

Luyện thi AMAX